

TUẦN 7- NGŨ VĂN 9

TÀI LIỆU HỌC TẬP BỘ MÔN NGŨ VĂN 9

A. TỔNG KẾT TỪ VỰNG

1. TỪ VÀ CẤU TẠO TỪ

1.1. Từ đơn

- Là từ chỉ gồm một tiếng.
- Ví dụ: nhà, cửa, sách, vở...

1.2. Từ phức

- Từ ghép: có cấu tạo bằng cách ghép hai hoặc nhiều tiếng có nghĩa lại với nhau.
- + Từ ghép chính phụ: xe đạp, hoa hồng, bút máy.
- + Từ ghép đẳng lập: nhà cửa, trước sau, chân tay.
- Từ láy: được tạo thành từ các tiếng có quan hệ láy âm với nhau.
- + Từ láy toàn bộ: xinh xinh, xanh xanh, đo đỏ.
- + Từ láy bộ phận: sạch sẽ, trắng trẻo, bói rồi.

2. TRƯỜNG TỪ VỰNG

- Là một tập hợp những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.
- Ví dụ: Trường từ vựng chỉ màu sắc: xanh, đỏ, tím, vàng.

Trường từ vựng chỉ gia súc: lợn, bò, gà, dê,...

3. TỪ TƯỢNG THANH- TỪ TƯỢNG HÌNH

3.1. Từ tượng thanh

- Từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, con người.
- Ví dụ: Âm âm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi. (Nguyễn Du, *Truyện Kiều*).

3.2. Từ tượng hình

- Từ gọi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật.
- Ví dụ: Sương chùng chình qua ngõ. (Hữu Thỉnh, *Sang thu*)

4. MỘT SỐ PHÉP TU TỪ TỪ VỰNG

4.1. So sánh

- Đem đối chiếu giữa hai sự vật để tìm ra sự giống và khác nhau giữa chúng.
- Ví dụ: Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

4.2. Ẩn dụ

- So sánh ngầm, gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác dựa vào sự liên tưởng tương đồng nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho diễn đạt.
- Ví dụ: Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một **mặt trời** trong lăng rất đỏ.

(Viễn Phương, *Viếng lăng Bác*)

4.3. Nhân hoá

- Dùng những từ ngữ quen thuộc chỉ thuộc tính của con người để chỉ những sự vật không phải là người.
- Ví dụ: **Ánh trăng im phăng phắc**

Đủ cho ta giật mình.

(Nguyễn Duy, *Ánh trăng*)

4.4. Hoán dụ

- Lấy tên sự vật này thay thế gọi sự vật khác có quan hệ gần gũi.
- Ví dụ: **Bàn tay ta** làm nên tất cả

Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.

4.5. Nói quá

- Dùng từ ngữ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả.

- Ví dụ: Chiến sĩ bộ đội ta **mình đồng da sắt** xông vào quân thù.

4.6. Nói giảm, nói tránh

- Dùng cách diễn đạt tế nhị làm giảm nhẹ, làm yếu đi sự việc được nói đến.

- Ví dụ: Bác đã **đi** rồi sao, Bác ơi!

Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời.

(Tố Hữu, *Bác ơi*)

4.7. Điệp ngữ

- Lặp lại những từ ngữ nhằm nhấn mạnh ý, gây cảm xúc mạnh.

- Ví dụ: Tre **giữ** làng, **giữ** nước, **giữ** mái nhà tranh, **giữ** đồng lúa chín. (Thép Mới)

4.8. Chơi chữ

- Lợi dụng sắc thái về âm, về nghĩa của từ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước,... làm câu văn hấp dẫn và thú vị.

- Ví dụ: Bà già đi chợ Cầu Đông

Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng?

Thầy bói gieo quẻ nói rằng

Lợi thì có **lợi** nhưng răng không còn.

B.VĂN BẢN ĐỒNG CHÍ

Kiến thức cơ bản:

1. Tác giả: Chính Hữu

2. Xuất xứ: Những trải nghiệm và cảm xúc sâu sắc về tình đồng đội, đồng chí khi tác giả tham gia chiến dịch Việt Bắc.

3. Phương thức biểu đạt: Biểu cảm kết hợp tự sự.

4. Thể thơ: Thơ tự do.

5. Nội dung:

- Cơ sở tạo nên tình đồng chí cao đẹp:

+ Cùng chung cảnh ngộ: những người nông dân nghèo từ những miền quê hương “nước mặn đồng chua”, “đất cày lên sỏi đá”.

+ Cùng chung lý tưởng, cùng chiến hào chiến đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc.

- Những biểu hiện của tình đồng chí trong chiến đấu chống Pháp gian khổ:

+ Chung một nỗi nhớ quê hương.

+ Sát cánh bên nhau, bất chấp những gian khổ, thiếu thốn.

6. Nghệ thuật:

- Ngôn ngữ bình dị, thâm đậm chất dân gian.

- Bút pháp tả thực kết hợp lãng mạn.

- Biện pháp tu từ: điệp ngữ, liệt kê, ẩn dụ.

7. Ý nghĩa văn bản:

Bài thơ ca ngợi tình cảm cao đẹp giữa những người chiến sĩ trong thời kì đầu kháng chiến chống thực dân Pháp gian khổ.

C.VĂN BẢN BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH

Kiến thức cơ bản:

1. Tác giả: Phạm Tiến Duật

2. Xuất xứ: Được in trong tập thơ Vàng trăng quàng lửa.

3. Phương thức biểu đạt: Biểu cảm kết hợp tự sự.

4. Thể thơ: Thơ tự do.

5. Nội dung:

- Hiện thực khốc liệt thời kì chiến tranh chống Mỹ.
- Sức mạnh tinh thần của những người chiến sĩ – của một dân tộc kiên cường , bất khuất, tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm, coi thường gian khổ, hiểm nguy, tâm hồn sôi nổi của tuổi trẻ, tình đồng chí, đồng đội, ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

6. Nghệ thuật:

- Lựa chọn chi tiết độc đáo, hình ảnh đậm chất hiện thực.
- Sử dụng ngôn ngữ đời sống, nhịp sinh hoạt, thể hiện giọng điệu ngang tàng, trẻ trung, tinh nghịch.
- Biện pháp tu từ: điệp ngữ, liệt kê, ẩn dụ.

7. Ý nghĩa văn bản:

Bài thơ ca ngợi người chiến sĩ lái xe Trường Sơn dũng cảm, hiên ngang, tràn đầy niềm tin chiến thắng trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Phòng Giáo dục & đào tạo quận Tân Bình

Trường THCS Ngô Sĩ Liên

Họ tên:.....

Lớp:.....Mã số:.....

PHIẾU HỌC TẬP BỘ MÔN NGỮ VĂN 9

TUẦN 7 - HỌC KÌ I

A. TỔNG KẾT TỪ VỰNG

1. TỪ VÀ CẤU TẠO TỪ

1.1. Từ đơn

.....

-Ví dụ:.....

1.2. Từ phức

-Từ ghép:.....

+Từ ghép.....: xe đạp,,

+Từ ghép.....: nhà cửa,.....

-Từ láy:

.....

+Từ láy.....: xinh xinh,.....

+Từ láy.....: sạch sẽ,

2. TRƯỜNG TỪ VỰNG

.....

- Ví dụ:

3. TỪ TƯỢNG THANH- TỪ TƯỢNG HÌNH

3.1. Từ tượng thanh

.....

- Ví dụ:

3.2. Từ tượng hình

.....

- Ví dụ:.....

4. MỘT SỐ PHÉP TU TỪ TỪ VỰNG

4.1. So sánh

- Đem đối chiếu giữa hai sự vật để tìm ra.....

- Ví dụ:.....

4.2. Ẩn dụ

- So sánh ngầm, gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác dựa vào.....

- Ví dụ:.....

4.3. Nhân hoá

.....để chỉ những sự vật không phải là người.

- Ví dụ:.....

4.4. Hoán dụ

.....

- Ví dụ:

4.5. Nói quá

.....
-Ví dụ:.....

4.6. Nói giảm, nói tránh

.....
-Ví dụ:

4.7. Điệp ngữ

.....
- Ví dụ:

4.8. Chơi chữ

.....
-Ví dụ:

B.VĂN BẢN ĐỒNG CHÍ

I. Kiến thức cơ bản

1. Tác giả:

.....

2. Xuất xứ:

.....

.....

3. Phương thức biểu đạt:

.....

4. Thể thơ:.....

5. Nội dung:

.....

.....

.....

.....

.....

6. Nghệ thuật:

.....

.....

.....

.....

.....

II. Luyện tập

Từ tác phẩm *Đồng chí* của nhà thơ Chính Hữu, em cảm nhận thế nào về lí tưởng sống của các chiến sĩ bộ đội cụ Hồ thời kì chống Pháp? Bản thân em rút ra được những kinh nghiệm sống nào cho bản thân? Viết đoạn văn (từ 6-8 câu) trình bày suy nghĩ của bản thân.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

C.VĂN BẢN BÀI THƠ VỀ TIÊU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH

I. Kiến thức cơ bản

1.Tác giả:

.....

2.Xuất xứ:

.....
.....

3.Phương thức biểu đạt:

.....

4.Thể thơ:.....

5.Nội dung:

.....
.....
.....
.....
.....

6. Nghệ thuật:

.....
.....
.....
.....
.....

II. Luyện tập

Từ tác phẩm *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*, em hãy chỉ ra những điểm giống và khác nhau từ hình tượng người lính trên với người lính trong bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu. Viết đoạn văn (từ 6-8 câu) nêu cảm nhận của bản thân về vấn đề trên.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

